



LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA - TỪ TRÁI NGHĨA - TỪ ĐỒNG ÂM

Bài 1: Trong mỗi nhóm từ dưới đây, hãy nhấn vào từ không cùng nhóm với các từ còn lại.

- a) Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông, nước non, non nước.
b) Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa, quê hương xứ sở, nơi chôn rau cắt rốn.

Bài 2: Chọn từ ngữ thích hợp nhất trong các từ sau để điền vào chỗ trống: *im lìm*, *vắng lặng*, *yên tĩnh*.

Cảnh vật trưa hè ở đây, cây cối đứng, không gian, không một tiếng động nhỏ.

Bài 3: Tìm từ đồng nghĩa trong những câu sau:

- Vua Hùng kén rể làm chồng cho Mị Nương.
- Họ đang lựa những cây cột có độ cao giống nhau.
- Chúng tôi đang chọn những con để khỏe nhất để chơi.
- Công ty vừa tuyển người lao động.

Các từ đồng nghĩa là:

Bài 4: : Nhấn chọn các cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ dưới đây:

- a) Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.
b) Tốt gỗ hơn tốt nước sơn
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.
c) - Chết vinh còn hơn sống nhục.
- Chết trong còn hơn sống đục.
d) Đời ta gương vỡ lại lành.
e) Thuyền ta đi ngược về xuôi.

- g) - Ngày nắng đêm mưa.
- Khôn nhà dại chợ.
- Lên thác xuống ghềnh.
- Ké ở người đi.
- Việc nhỏ nghĩa lớn.
- Chân cứng đá mềm
h) Ra đi kẻ khóc, người cười.

Bài 5: Điền từ trái nghĩa với từ in đỏ để hoàn thành các thành ngữ, tục ngữ sau:

- a. Lá **lành** đùm lá
b. Chân đá **mềm**.
c. là mẹ **thành công**.
d. **Mạnh** dùng sức, dùng mưu.

- e. thì sống, **chia rẽ** thì chết.
f. Ăn cỗ đi **trước**, lội nước theo
g. Chết còn hơn sống **quỳ**.

Bài 6: Nối từng cụm từ có từ đồng âm (in đậm) ở bên trái với nghĩa của nó ở bên phải sao cho phù hợp

- a. Một trăm nghìn **đồng**
b. **Đồng** lúa
c. Từ **đồng** nghĩa
d. Chuông **đồng**

1. Có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau
2. Tên một kim loại có màu gần như màu đỏ
3. Đơn vị tiền tệ Việt Nam
4. Khoảng đất rộng, bằng phẳng để trồng trọt

Chăm chỉ là con đường dẫn đến thành công

LIVEWORKSHEETS